# ĐẦU TƯ CỦA NGƯỜI VIỆT NAM Ở NƯỚC NGOÀI TẠI VIỆT NAM: THỰC TRẠNG VÀ GIẢI PHÁP

**Võ Tá Tri*, Trần Anh Phương**, Nguyễn Đình Tài*****,
**Nguyễn Thị Mai Phương******, **Trần Duy Đông*******

Ngày nhận: 2/01/2016
Ngày nhận bản sửa: 20/01/2016
Ngày duyệt đăng: 25/01/2016

**Tóm tắt:**

*Đầu tư của Việt kiều đóng vai trò quan trọng trong phát triển kinh tế Việt Nam. Bài viết này tập trung đánh giá thực trạng đầu tư của Việt kiều tại Việt Nam thời gian qua. Trong thời gian qua, Việt kiều đã đầu tư 52 trên 63 tỉnh thành phố với khoảng 3600 doanh nghiệp, hơn 2000 dự án với giá trị 8,6 tỷ USD. Qua nghiên cứu, bài viết đã đề xuất 3 giải pháp để thu hút nhiều hơn nữa vốn đầu tư Việt kiều tại Việt Nam. Các giải pháp này bao gồm: (i) xây dựng hệ thống thông tin cho nhà đầu tư Việt kiều, (ii) hỗ trợ các nhà đầu tư Việt kiều nhiều hơn nữa đặc biệt là vấn đề quốc tịch; (iii) đẩy mạnh liên kết giữa nhà đầu tư trong nước và nhà đầu tư Việt kiều trong tìm kiếm đối tác và khách hàng.*

**Từ khóa:** Việt kiều, kiều hối, đầu tư

**Investment by overseas Vietnamese in Vietnam: The current situations and solutions**

*Abtracts*

*Investment by overseas Vietnamese plays an important role in the development of Vietnam's economy. This paper focuses on assessing the current status of the overseas Vietnamese's investment in recent years. Overseas Vietnamese have invested in 52 out of 63 provinces and cities in Vietnam. They also run 3600 businesses nationawide, with over 2000 projects valued at a combined USD 8.6 billions. The paper proposes some solutions to attract more investment from overseas Vietnamese into Vietnam, including: (i) Building an information system for overseas Vietnamese; (ii) Making greater effort to assist overseas Vietnamsese seeking to invest into Vietnam, especially with "nationality issues"; (iii) Strengthening the link between overseas community and domestic enterprises.*

*Keywords: Overseas Vietnamese, remittance, investment*

## 1. Đặt vấn đề

Bộ Chính trị (2004) khẳng định "người Việt Nam ở nước ngoài là bộ phận không tách rời và là một nguồn lực của cộng đồng dân tộc Việt Nam, là nhân tố quan trọng góp phần tăng cường quan hệ hợp tác, hữu nghị giữa nước ta với các nước". Kể từ đó đến nay, công tác về người Việt Nam ở nước ngoài đã có những bước đột phá tích cực và thu được những thành tựu to lớn. Trung bình hàng năm có khoảng 400.000 lượt kiều bào về thăm quê hương, hàng trăm lượt chuyên gia, trí thức kiều bào về tham gia nghiên cứu, giảng dạy ở trình độ đại học và trên đại học, thực hiện các dự án hợp tác nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ; hàng nghìn người về tìm hiểu cơ hội đầu tư, kinh doanh.

Mặc dù đầu tư của Việt kiều vào Việt Nam cho đến nay đã đóng vai trò quan trọng. Theo Ủy ban Nhà nước về người Việt Nam ở nước ngoài (2012), Việt kiều đã đầu tư 52 trên 63 tỉnh thành phố với khoảng 3600 doanh nghiệp, hơn 2000 dự án với giá trị 8,6 tỷ USD. Các dự án đầu tư của Việt kiều đã tập trung vào hầu hết các lĩnh vực như thương mại, du

lịch, xây dựng, bất động sản, nông nghiệp, chế biến thủy hải sản. Hàng năm, có khoảng 500.000 lượt kiều bào về nước, trong đó có nhiều chuyên gia, trí thức về làm việc và nhiều người về tìm hiểu cơ hội đầu tư kinh doanh. Kim ngạch xuất khẩu hàng năm của khối doanh nghiệp này là khoảng 20 tỷ USD. Tuy nhiên, đầu tư của Việt kiều tại Việt Nam vẫn chưa tương xứng với tiềm năng.

Bài báo này phân tích thực trạng và tìm ra những chính sách đầu tư của Việt Nam đối với Việt kiều từ đó đánh giá thực trạng đầu tư của Việt kiều vào Việt Nam, phân tích nguyên nhân, từ đó gợi mở những giải pháp nhằm thúc đẩy đầu tư của Việt kiều vào Việt Nam trong thời gian tới.

**2. Tình hình triển khai các chủ trương, chính sách đầu tư đối với người Việt Nam ở nước ngoài**

***2.1. Các quy định về đầu tư đối với người Việt Nam ở nước ngoài trước khi có Luật Đầu tư (2005)***

Trước khi có Luật Đầu tư 2005 (Quốc hội Khóa XI, 2005a), các chính sách đầu tư đối với người Việt Nam ở nước ngoài được Quốc hội Khóa VIII (1987) và Quốc hội Khóa IX (1994) quy định. Quốc hội Khóa VIII (1987) sau đó được sửa đổi, bổ sung nhiều lần vào các năm 1990, 1992, 1996, 2000. Đây là đạo luật kinh tế đầu tiên của thời kỳ đổi mới, thể chế hóa một trong những chính sách đột phá của Đại hội Đảng Cộng sản Việt Nam tại Đại hội lần thứ VI, là hành lang pháp lý đầu tiên cho các nhà đầu tư nước ngoài, trong đó có các nhà đầu tư Việt kiều.

Quốc hội Khóa IX (1994) đánh dấu bước tiến thứ hai trong chính sách thu hút đầu tư, khai thông các nguồn đầu tư trong nước. Quốc hội Khóa X (1998) bổ sung đối tượng áp dụng là *nhà đầu tư là người Việt Nam định cư ở nước ngoài nhằm* khai thông nguồn vốn của kiều bào Việt Nam. Theo Luật này, nhà đầu tư là Việt kiều được hưởng hầu như tất cả các biện pháp hỗ trợ đầu tư và ưu đãi đầu tư như nhà đầu tư Việt Nam. Để thuận lợi hóa thủ tục đầu tư cho Việt kiều, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tư pháp, Bộ Ngoại giao và Bộ Công an (2000) đã cùng ban hành thông tư liên tịch hướng dẫn việc người Việt Nam định cư ở nước ngoài, người nước ngoài thường trú tại Việt Nam đầu tư. Và cũng từ đây, nhà đầu tư Việt kiều được quyền chọn đầu tư theo một trong hai đạo luật đầu tư nói trên.

***2.2. Kể từ khi có quy định của Quốc hội Khóa XI (2005a và 2005b)***

Năm 2005, Quốc hội Khóa XI đã thống nhất hai luật đầu tư: Luật Đầu tư nước ngoài tại Việt Nam và Luật Khuyến khích đầu tư trong nước thành một Luật Đầu tư chung, có hiệu lực từ ngày 1 tháng 7 năm 2006, mở đường cho Việt Nam gia nhập WTO. Từ đây, nhà đầu tư nước ngoài, nhà đầu tư Việt kiều và nhà đầu tư trong nước về cơ bản là bình đẳng, trừ quyền được giao đất chỉ dành cho nhà đầu tư Việt Nam. Theo Quốc hội Khóa XI (2005a), các doanh nhân Việt kiều khi đầu tư về nước được đầu tư vào hầu hết các lĩnh vực của nền kinh tế quốc dân, có quyền lựa chọn hình thức đầu tư, quy mô đầu tư và đối tác của dự án để đầu tư và được hưởng những ưu đãi theo quy định của luật.

Thực hiện chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ (2008), Chính phủ đã ban hành hàng loạt chủ trương và cơ chế, chính sách liên quan đến người Việt Nam ở nước ngoài nhằm phát huy tiềm năng kinh tế.

*Về quốc tịch:* Quốc hội Khóa XII (2008a) đã cho phép áp dụng nguyên tắc một quốc tịch mềm. Theo quy định này, người Việt Nam định cư ở nước ngoài có quyền đăng ký giữ quốc tịch Việt Nam nếu chưa mất quốc tịch Việt Nam theo Luật quốc tịch cũ hoặc có quyền trở lại quốc tịch Việt Nam nếu đã từng có quốc tịch Việt Nam hoặc có thể nhập quốc tịch Việt Nam. Trong một số trường hợp đặc biệt, kiều bào vừa có thể có quốc tịch Việt Nam, vừa có quốc tịch nước ngoài. Khi có quốc tịch Việt Nam, kiều bào sẽ được hưởng mọi quy định, chính sách về đầu tư của nhà đầu tư Việt Nam, bao gồm chính sách về điều kiện đầu tư, thủ tục đầu tư như nhà đầu tư Việt Nam.

*Về đất đai:* Người Việt Nam định cư ở nước ngoài có quyền sở hữu nhà ở, quyền sử dụng đất ở gắn liền với nhà ở, đồng thời có quyền chuyển quyền sử dụng đất ở khi bán, tặng cho, để thừa kế, đổi nhà ở cho tổ chức, cá nhân trong nước, người Việt Nam định cư ở nước ngoài thuộc diện được sở hữu nhà ở tại Việt Nam. Theo quy định của Quốc hội Khóa XI (2003, điều 34) bên cạnh việc thuê đất như các tổ chức, cá nhân nước ngoài, người Việt Nam ở nước ngoài có quyền sử dụng đất theo hình thức giao đất có thu tiền sử dụng đất để thực hiện các dự án đầu tư. *Về việc mua nhà tại Việt Nam,* theo quy định của Quốc hội Khóa XII (2009), kể từ ngày 1 tháng 9 năm 2009, người Việt Nam định cư ở nước ngoài, bao gồm người có quốc tịch Việt Nam định cơ ở nước ngoài và người gốc Việt Nam thuộc diện người về đầu tư trực tiếp tại Việt Nam theo pháp luật về đầu tư; người có công đóng góp cho đất nước; nhà khoa học, nhà văn hóa, người có kỹ năng đặc biệt mà cơ quan,

tổ chức của Việt Nam có nhu cầu và đang làm việc tại Việt Nam; người có vợ hoặc chồng là công dân Việt Nam sinh sống trong nước được cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam cho phép cư trú tại Việt Nam từ ba tháng trở lên thì có quyền sở hữu nhà ở để bản thân và các thành viên trong gia đình sinh sống tại Việt Nam; Người gốc Việt Nam không thuộc các đối tượng nêu trên được cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam cấp Giấy miễn thị thực và được phép cư trú tại Việt Nam từ ba tháng trở lên thì có quyền sở hữu một nhà ở riêng lẻ hoặc một căn hộ chung cư tại Việt Nam để bản thân và các thành viên trong gia đình sinh sống tại Việt Nam. Quốc hội Khóa XIII (2014) có hiệu lực thi hành kể từ ngày 1 tháng 7 năm 2015 đã cho phép Việt kiều có quyền sở hữu không hạn chế số lượng, thời gian nhà ở là chính sách phù hợp trong hoàn cảnh hiện nay.

*Về việc miễn thị thực:* Thủ tướng Chính phủ (2007) ban hành quy chế miễn thị thực cho người Việt Nam định cư ở nước ngoài. Theo đó, người Việt Nam định cư ở nước ngoài được cấp Giấy miễn thị thực sẽ được miễn thị thực khi nhập cảnh vào Việt Nam. Bên cạnh đó, thời hạn giải quyết thủ tục cấp Giấy miễn thị thực được rút ngắn xuống còn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

Thủ tướng Chính phủ (2012) sửa đổi, bổ sung một số điều Quy chế về miễn thị thực cho người Việt Nam định cư ở nước ngoài. Theo đó, người Việt Nam định cư ở nước ngoài nếu có nhu cầu ở lại quá 90 ngày, được cơ quan, tổ chức, cá nhân tại Việt Nam bảo lãnh và có lý do chính đáng thì được xem xét, giải quyết gia hạn tạm trú, mỗi lần không quá 90 ngày.

Chính phủ (2015) quy định về việc miễn thị thực cho người Việt Nam định cư ở nước ngoài và người nước ngoài là vợ, chồng, con của người Việt Nam định cư ở nước ngoài hoặc của công dân Việt Nam. Theo đó, người nước ngoài là vợ, chồng, con của người Việt Nam định cư ở nước ngoài hoặc của công dân Việt Nam cũng được miễn thị thực khi nhập cảnh vào Việt Nam. Đồng thời, Giấy miễn thị thực có thời hạn tối đa không quá 05 năm và ngắn hơn thời hạn sử dụng của hộ chiếu hoặc giấy tờ có giá trị đi lại quốc tế của người được cấp ít nhất 06 tháng, được cấp cho người nhập cảnh Việt Nam thăm thân, giải quyết việc riêng, được cấp vào hộ chiếu hoặc được cấp rời.

*Về ưu đãi đầu tư:* Bên cạnh chính sách mới áp dụng chung cho cá nhân người Việt Nam ở nước ngoài, những nhà đầu tư là người Việt Nam ở nước ngoài có dự án đầu tư tại Việt Nam còn được hưởng các chính sách về ưu đãi đầu tư như sau: đối với thuế thu nhập doanh nghiệp, theo quy định của Quốc hội Khóa XII (2008b), thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp cho mọi hình thức doanh nghiệp, kể cả doanh nghiệp của người Việt Nam định cư ở nước ngoài là 25% (trừ hoạt động tìm kiếm, thăm dò khai thác dầu khí và tài nguyên quý hiếm). Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp giảm xuống 22% theo quy định của Quốc hội Khóa XIII (2013) trong khi Quốc hội Khóa XIII (2014d) sửa đổi, bổ sung một số của các luật về thuế (có hiệu lực thi hành từ 01/01/2015). Thuế suất ưu đãi cũng được giảm tương ứng theo thời gian.

Như vậy, về cơ bản các chính sách liên quan đến đầu tư của người Việt Nam ở nước ngoài về Việt Nam ngày càng cởi mở và thông thoáng hơn. Do triển khai thực hiện các chính sách này nên tình hình đầu tư của người Việt Nam ở nước ngoài về nước ngày càng nhiều và có đóng góp tích cực cho nền kinh tế quốc gia.

## 3. Thực trạng đầu tư của người Việt Nam ở nước ngoài tại Việt Nam

### *3.1. Giai đoạn thực hiện song hành 2 Luật đầu tư*

Theo số liệu của Viện Nghiên cứu Quản lý Kinh tế Trung ương (CIEM, 2005), sau hơn 10 năm kể từ ngày ban hành Luật Đầu tư nước ngoài tại Việt Nam, người Việt Nam định cư tại nước ngoài đã đầu tư vào Việt Nam 177 dự án, với tổng vốn đăng ký đạt 796 triệu USD, trong đó có 132 dự án còn hiệu lực với tổng vốn đầu tư đăng ký là 603,9 triệu USD. Quy mô đầu tư bình quân của một dự án đạt 4,5 triệu USD. Quy mô vốn đầu tư của các dự án FDI của Việt kiều tại Việt Nam nhỏ, phù hợp với khả năng quản lý cũng như năng lực tài chính của Việt kiều. Việt kiều từ 23 quốc gia và vùng lãnh thổ khác nhau đã có dự án đầu tư tại Việt Nam, trong đó đầu tư nhiều nhất là Việt kiều tại Hoa Kỳ với 45 dự án, tổng vốn đầu tư là 205,3 triệu USD; Australia với 21 dự án, tổng vốn đầu tư là 74,4 triệu USD; Thụy Sĩ có 3 dự án, tổng vốn đầu tư 69,2 triệu USD; Việt kiều từ Ba Lan và Liên bang Nga đã đầu tư 6 dự án với tổng vốn đầu tư triệu 123,2 triệu USD. Các dự án do Việt kiều đầu tư đã có mặt trên 28 địa phương trong cả nước, nhưng chủ yếu vốn tập trung tại thành phố Hồ Chí Minh: 210,7 triệu USD (chiếm 34,9% tổng vốn đăng ký), thành phố Hà Nội: 61 triệu USD (chiếm 10,1% tổng vốn đăng ký), còn lại là các địa phương khác.

Năm 2001 đánh dấu mốc quan trọng trong hoạt động đầu tư bằng việc Việt Nam và Mỹ ký Hiệp định Thương mại song phương (BTA). Trong 5 năm (2001-2005), lượng ngoại tệ của kiều bào gửi về Việt Nam đạt gần 16 tỷ USD. Riêng năm 2005, kiều hối ước đạt 3,8 tỷ USD (tăng 42,9% so với năm 2004), cao hơn cả tổng vốn đầu tư nước ngoài thực hiện năm đó (3,3 tỷ USD). Còn doanh nhân Việt Nam định cư ở nước ngoài đầu tư về nước từ 36 quốc gia và vùng lãnh thổ theo Luật Khuyến khích đầu tư trong nước, nhiều nhất từ Mỹ với 674 dự án với tổng vốn đăng ký trên 4.159 tỷ đồng, chiếm 49,8%, bình quân mỗi dự án có số vốn đầu tư 6,1 tỷ đồng. Tiếp đó doanh nhân từ Australia với 237 dự án, có tổng vốn đầu tư đăng ký 1.050 tỷ đồng (chiếm 12,5% tổng vốn đầu tư) (CIEM, 2005).

Cũng theo số liệu của Viện Nghiên cứu Quản lý Kinh tế Trung ương (CIEM, 2005), vốn đầu tư FDI của người Việt Nam ở nước ngoài về nước tập trung chủ yếu ở các lĩnh vực công nghiệp (66,6% số dự án và 48,6% số vốn), thương mại và dịch vụ (19,4% số dự án và 31,4% số vốn), nông lâm ngư nghiệp (14% về số dự án và 14,5% về số vốn). Các dự án đầu tư về nước của người Việt Nam định cư ở nước ngoài đi vào hoạt động đã tạo việc làm cho hơn 7.000 lao động trong nước và góp phần gia tăng kim ngạch xuất khẩu của đất nước.

Cho đến nay, một số dự án của kiều bào cũng đã có những dấu ấn đáng kể trong bức tranh đầu tư tại Việt Nam như: dự án Làng Việt kiều châu Âu (Ba Lan), vốn đầu tư 59,2 triệu USD; Làng Du lịch sinh thái nghỉ dưỡng Tri Việt, vốn đầu tư trên 1,1 triệu USD,... được triển khai tại Hà Tây, Đà Lạt, Hội An. Một số dự án khác được các doanh nghiệp Việt kiều xúc tiến, kêu gọi kiều bào góp vốn như Khu công nghiệp Việt kiều, Ngân hàng Việt kiều tại Thành phố Hồ Chí Minh, khu chăm sóc người cao tuổi tại Long An (CIEM 2005).

### *3.2. Từ khi có Luật Đầu tư chung (2005) cho đến nay*

Theo Ủy ban Nhà nước về người Việt Nam ở nước ngoài (2012), sau gần 5 năm thực hiện Luật Đầu tư chung, kiều hối gửi về nước tăng trung bình 10-15%/năm, đưa Việt Nam trở thành một trong 10 quốc gia nhận kiều hồi nhiều nhất. Trong năm 2010, lượng kiều hối về Việt Nam đạt 8,26 tỷ USD, năm 2011 đạt 9 tỷ USD, bù đắp được 92% chênh lệch cán cân thương mại. Trong năm 2012, dù tình hình kinh tế thế giới lẫn trong nước nhiều khó khăn nhưng lượng kiều hối vẫn bứt phá, chạm mốc 11 tỷ USD. Đồng thời, những năm gần đây, do kinh tế suy thoái nên người Việt ở các nước Đông Âu, Hoa Kỳ, Pháp, Đức có xu hướng chuyển đầu tư về thị trường trong nước nhiều hơn. Cũng theo cơ quan này, đến hết năm 2014, đang có 3.546 doanh nhân Việt kiều tham gia đầu tư tại 51/63 tỉnh, thành phố.

Như vậy, tính chung từ 1991 đến 2014, kiều hối về Việt Nam đạt hơn 92 tỷ USD, trở thành nguồn vốn lớn thứ hai sau nguồn vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI), thậm chí còn cao hơn cả vốn ODA đã giải ngân. Trong số đó có 20 tỷ USD của các doanh nhân Việt kiều đầu tư vào hơn 2000 dự án, trong đó, Thành phố Hồ Chí Minh là điểm đến quan trọng nhất. Năm 2015, Việt Nam đặt mục tiêu thu hút từ 13 - 14 tỷ USD kiều hối. Trong đó, Mỹ là quốc gia có lượng kiều hối về Việt Nam nhiều nhất, chiếm hơn 50% kiều hối chính thức của cả nước, tiếp theo là Úc, Canada, Đức, Campuchia và Pháp (Ủy ban Nhà nước về người Việt Nam ở nước ngoài (2015). Chính sách mới về kiều hối, như không hạn chế số lượng kiều hối, cho phép nhận và trả bằng ngoại tệ, không phải nộp thuế thu nhập cá nhân, dịch vụ ngân hàng thuận lợi… đã thu hút dòng vốn này về nước ngày càng nhiều hơn.

Qua các dự án đầu tư của Việt kiều tại Việt Nam, nhiều nguồn lực trong nước như lao động, đất đai, tài

**Hình 1: Cơ cấu đầu tư của người Việt Nam ở nước ngoài theo lĩnh vực đầu tư**

*(tỷ lệ phần trăm theo dự án)*

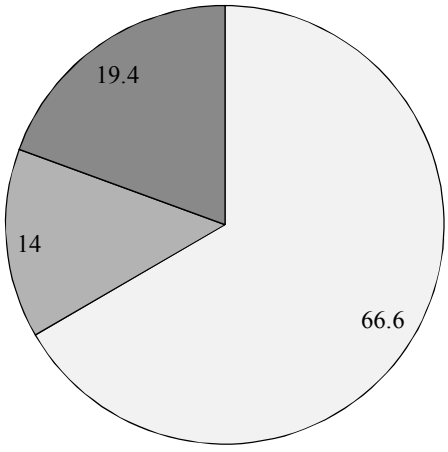


*Nguồn: Tác giả tổng hợp từ số liệu của Viện Nghiên cứu Quản lý Kinh tế Trung ương và Bộ Kế hoạch và Đầu tư*

nguyên được sử dụng và phát huy có hiệu quả. Sự đóng góp của các doanh nhân Việt kiều đã góp phần mở rộng thị trường, thúc đẩy các hoạt động dịch vụ, tạo cầu nối cho các doanh nghiệp trong nước xuất khẩu tại chỗ hoặc tiếp cận với thị trường thế giới; góp phần tiến đến chuyển giao phương pháp quản lý và phương thức kinh doanh hiện đại ở trong nước. Đây cũng là một nhân tố thúc đẩy doanh nghiệp trong nước đổi mới công nghệ, nâng cao chất lượng và sức cạnh tranh; lao động trong nước có thêm cơ hội được đào tạo, bồi dưỡng nâng cao tay nghề, tiếp thu công nghệ tiên tiến, rèn luyện tác phong công nghiệp.

Lực lượng doanh nhân Việt kiều có tiềm lực kinh tế rất lớn đang có xu hướng chuyển nguồn vốn đầu tư về Việt Nam ngày càng cao nhờ các chính sách kêu gọi đầu tư. Người Việt Nam ở nước ngoài đầu tư tại Việt Nam thông qua dự án sản xuất kinh doanh trong nước. Theo đó, trước hết, ngoài ưu đãi chung như đối với các doanh nghiệp khác, Việt Nam cũng có ưu đãi mà trên thế giới rất ít nước có dành cho người Việt Nam ở nước ngoài. Cụ thể khi Việt kiều về đầu tư trong nước có thể lựa chọn theo hai hình thức doanh nghiệp trong nước đầu tư hoặc doanh nghiệp FDI đầu tư. Trước đây Việt kiều lựa chọn nhiều theo hình thức doanh nghiệp FDI do có nhiều ưu đãi hơn, thủ tục ít phức tạp hơn. Tuy nhiên, từ khi Việt Nam có một luật doanh nghiệp có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/01/2000, được sửa đổi bổ sung bằng Luật doanh nghiệp 2005 và hiện nay là Luật Doanh nghiệp 2014, trong đó ưu tiên phát triển doanh nghiệp tư nhân rất nhiều Việt kiều chọn đầu tư theo khuôn khổ pháp luật cho doanh nghiệp trong nước".

Theo thống kê của Ủy ban Nhà nước về người Việt Nam ở nước ngoài (2015), hiện có 51/63 tỉnh, thành phố trong nước có các dự án đầu tư của người Việt Nam ở nước ngoài (từ Hoa Kỳ, Australia, Nga, Pháp, Hà Lan, Canada, Nhật Bản,…), với gần 3.600 doanh nghiệp kiều bào. Các dự án đầu tư tập trung vào những lĩnh vực bất động sản, dịch vụ khách sạn, nhà hàng, du lịch, công nghệ phần mềm, dịch vụ dầu khí, sản xuất điện, nuôi trồng, chế biến, xuất khẩu thủy hải sản.

Tuy nhiên, đó là doanh nghiệp đăng ký còn con số thực có lẽ cao hơn nhiều, bởi nhiều Việt kiều gửi tiền đầu tư qua doanh nghiệp trong nước nên không thống kê theo số doanh nghiệp của kiều bào đầu tư. Phần lớn Việt kiều về nước đầu tư chủ yếu làm các dự án vừa và nhỏ, thường chỉ vài chục triệu USD, chưa có nhiều dự án trị giá hàng trăm triệu USD là tương đối hiếm, khác so với dự án đầu tư trực tiếp của các nước khác.

Cũng theo Ủy ban Nhà nước về người Việt Nam ở nước ngoài, thời gian qua, để kêu gọi đầu tư từ doanh nhân Việt kiều, Việt Nam đã tiến hành cải cách nhiều thủ tục đầu tư cũng như việc cư trú, đi lại.

### *3.3. Đánh giá về hoạt động đầu tư của Việt kiều tại Việt Nam*

Mặc dù đã có những chuyển biến rất tích cực về hoạt động đầu tư của Việt kiều về Việt nam giữa trước và sau khi có luật Đầu tư chung. Tuy nhiên, có thể thấy số dự án và lượng vốn đầu tư của doanh nhân Việt Nam ở nước ngoài về nước vẫn còn nhỏ bé so với tiềm lực; quy mô của các dự án chủ yếu là nhỏ. Các dự án chủ yếu trong lĩnh vực sản xuất kinh doanh công nghiệp, thương mại dịch vụ còn các dự án trong lĩnh vực nông nghiệp và các dự án trong các lĩnh vực khoa học công nghệ, giáo dục đào tạo, nghiên cứu và ứng dụng triển khai, đặc biệt là dịch vụ thương mại quốc tế rất cần doanh nhân Việt kiều đầu tư nhưng lại chưa được quan tâm hoặc đầu tư ở mức rất khiêm tốn. Đặc biệt, nguồn kiều hối chuyển về nước khá lớn nhưng chưa phát huy hiệu quả trong hoạt động đầu tư, kinh doanh.

Bên cạnh những chính sách tổng thể ngày càng thông thoáng, cởi mở, theo đánh giá của nhiều Việt kiều, vẫn còn nhiều vấn đề tồn tại cản trở lượng vốn đầu tư về nước của kiều bào, cũng như chưa tạo được sợi dây liên kết giữa doanh nghiệp (doanh nghiệp) trong nước với doanh nghiệp của kiều bào. Đó là:

- Cộng đồng kiều bào chưa được cung cấp thông tin đầy đủ về tình hình đầu tư, thị trường, các ngành nghề trọng điểm cần vốn đầu tư cũng như các chính sách ưu đãi để có thể yên tâm trở về Việt Nam kinh doanh và đầu tư.

- Thiếu cẩm nang giới thiệu, hướng dẫn Đầu tư về nước: Một trong những khó khăn là nhiều doanh nhân Việt kiều không biết đầu tư vào đâu, đầu tư vào lĩnh vực nào cho hiệu quả. Vấn đề chính là do Chính phủ, các bộ, ngành, địa phương trong nước không có cơ sở dữ liệu hay cẩm nang về các địa chỉ, lĩnh vực đầu tư để giới thiệu cho kiều bào. Vì vậy, để tìm được một lĩnh vực hay dự án đầu tư phù hợp, kiều bào thường mất rất nhiều chi phí, đặc biệt là thời

gian để tìm hiểu. Cũng có một số tỉnh, thành phố trong nước có thông tin về các chính sách và danh sách dự án kêu gọi đầu tư, bao gồm cả các dự án kêu gọi đầu tư cho các hoạt động xã hội. Tuy nhiên, con số này không nhiều, hơn nữa, các dự án kêu gọi đầu tư thường là các dự án lớn, nằm ở vùng khó khăn, nên chưa được các doanh nhân Việt kiều quan tâm.

- Trong thực tế triển khai đầu tư tại Việt Nam những năm gần đây, các chính sách thu hút đầu tư thông thoáng đã giảm bớt nhiều thủ tục phiền hà. Tuy nhiên, khi vận dụng chính sách vào thực tiễn, vẫn có vướng mắc trong việc ra quyết định, hay thời gian chờ đợi quá lâu, phải thông qua nhiều môi giới, trung gian... Những hạn chế này khiến một số kiều bào e ngại khi đầu tư về nước. Để tránh phiền hà, nhiều doanh nhân kiều bào đã lựa chọn phương thức mua lại các dự án, các công ty, hoặc chuyển sang hình thức đầu cơ tại Việt Nam. Đôi khi ở nơi này, nơi khác vẫn tồn tại sự phân biệt đối xử của một số cơ quan công quyền đối với Việt kiều, gây mất niềm tin đối với họ.

- Những khó khăn của doanh nhân Việt Nam ở nước ngoài khi đầu tư vào trong nước chủ yếu liên quan đến chính sách ưu đãi về thuế, đất đai, thủ tục hành chính,… Chính vì gặp nhiều khó khăn đặc biệt trong vấn đề thủ tục hành chính, có nhiều công nghệ các trí thức, doanh nhân Việt kiều đưa về Việt Nam không được lắng nghe áp dụng.

Mặc dù tiềm năng lớn, tuy nhiên những vướng mắc tại nhiều địa phương đang cản trở nguồn đầu tư của các doanh nhân Việt kiều. Có một số địa phương coi đầu tư của các Việt kiều như đầu tư của nước ngoài, áp dụng các chính sách đầu tư, các văn bản quy phạm pháp luật liên quan không đúng với tinh thần của Bộ Chính trị (2004), không đúng với đường lối chủ trương, chính sách về đầu tư của kiều bào ở nước ngoài về Việt Nam.

**4. Một số giải pháp đẩy mạnh thu hút đầu tư của Việt Kiều vào Việt Nam**

***4.1. Xây dựng hệ thống thông tin đầu tư cho các nhà đầu tư Việt kiều***

Các địa phương trong nước cần xây dựng hệ thống thông tin chung cho các tỉnh, thành phố, như là cẩm nang về chính sách và các dự án kêu gọi đầu tư hàng năm, được sắp xếp thuận tiện cho tìm kiếm từ địa phương, lĩnh vực, mức vốn, ưu đãi... Quan trọng hơn, để cẩm nang thu hút sự quan tâm của doanh nghiệp Việt kiều chính là sự phong phú, đầy đủ của thông tin và phương thức hỗ trợ. Tránh tình trạng các dự án tốt, khả thi đều được 'phân phối nội bộ', số còn lại mới công khai kêu gọi đầu tư. Cần tổ chức đấu thầu công khai hàng năm các dự án thu hút đầu tư nhằm khẳng định tính minh bạch, bình đẳng cho mọi doanh nghiệp. Ngoài ra, cũng nên thành lập các trung tâm hỗ trợ, tư vấn cho doanh nghiệp của kiều bào về thông tin, luật pháp. Chỉ khi nào tạo được niềm tin của doanh nghiệp, thì cẩm nang đầu tư mới có sức sống và giúp ích thiết thực cho doanh nghiệp. Cần có sự phối hợp chặt chẽ giữa Bộ Kế hoạch và Đầu tư với các cơ quan ngoại giao Việt Nam ở nước ngoài để có thể quảng bá các thông tin liên quan đến hoạt động đầu tư tại Việt Nam.

***4.2. Cần cởi mở hơn nữa trong các quy định về đầu tư liên quan đến quốc tịch***

Nhà đầu tư nước ngoài hiện nay được xác định theo tiêu chí chính là quốc tịch, ai không có quốc tịch Việt Nam thì đó là nhà đầu tư nước ngoài. Luật chia nhà đầu tư nước ngoài thành ba nhóm: Nhóm một: nhà đầu tư có quốc tịch nước ngoài; Nhóm 2: doanh nghiệp Việt Nam có từ 51% vốn nước ngoài trở lên; và nhóm 3 doanh nghiệp Việt Nam có dưới 51% vốn nước ngoài. Nhóm 1 và nhóm 2 bị áp dụng các điều kiện như nhà đầu tư nước ngoài (từ ngành nghề đầu tư đến thủ tục đầu tư, chính sách đầu tư…). Còn đối với nhóm 3 được áp dụng các thủ tục và điều kiện như doanh nghiệp trong nước.

Cho dù có những đổi mới rất quan trọng cho các nhà đầu tư, đặc biệt cho các nhà đầu tư nước ngoài, trong đó có các nhà đầu tư Việt kiều, nhưng, sự phân biệt quốc tịch của các nhà đầu tư, việc đặt ra ranh giới "quốc tịch" tạo ra "khoảng cách" giữa các nhà đầu tư chắc chắn kéo theo sự phân biệt về chính sách, thái độ của Nhà nước đối với họ. Khoảng cách này trong tương lai sẽ được thu hẹp dần, nhưng trước mắt, chúng ta nên xóa hoàn toàn ranh giới giữa nhà đầu tư trong nước và nhà đầu tư Việt kiều trong hoạt động đầu tư, coi nhà đầu tư Việt kiều là nhà đầu tư Việt Nam (trong nước). Chẳng hạn như, trao cho nhà đầu tư Việt kiều quyền được cấp đất (chứ không chỉ thuê đất) để thực hiện các dự án đầu tư.

***4.3. Đẩy mạnh liên kết giữa nhà đầu tư trong nước và Việt kiều trong tìm kiếm đối tác và khách hàng***

Ngoài việc tăng cường các biện pháp nhằm thu hút Việt kiều đầu tư về nước, các cơ quan chức năng của Chính phủ cũng đang thực hiện các giải pháp nhằm phát huy vai trò cầu nối của người Việt Nam định cư ở nước ngoài trong việc thúc đẩy hoạt động

đầu tư ra nước ngoài của các doanh nghiệp Việt Nam. Tăng cường mối quan hệ giữa các doanh nghiệp trong nước và các doanh nghiệp Việt kiều.

Với việc coi kiều bào là một bộ phận không thể tách rời của dân tộc, để tận dụng tốt nguồn lực của kiều bào, không chỉ đẩy mạnh thu hút vốn về nước, mà còn phải thúc đẩy liên kết doanh nghiệp trong nước và doanh nghiệp của Việt kiều để mở rộng đầu tư ra nước ngoài. Doanh nhân kiều bào chính là cầu nối quan trọng và cực kỳ hữu hiệu để đưa doanh nghiệp, hàng hóa của Việt Nam ra thế giới. Các doanh nghiệp của Việt kiều ở nước sở tại có thể trở thành đại lý hay đại diện tại nước ngoài cho doanh nghiệp trong nước. Việt kiều, hơn ai hết, là những người hiểu rõ nhất thị trường mà họ đang sinh sống và kinh doanh cần gì, thiếu cái gì để có thể chỉ ra cho doanh nghiệp trong nước một đường hướng tiếp cận thị trường một cách hiệu quả nhất. Thậm chí, họ có thể làm tốt hơn rất nhiều so với những gì mà cơ quan tham tán thương mại tại nước ngoài có thể làm được, bởi nhiều tham tán thời gian lưu trú lại quá ngắn để có thể hiểu rõ thị trường sở tại.

Đầu tư của người Việt Nam ở nước ngoài thời gian qua đã góp phần bổ sung nguồn vốn, tạo thế và lực phát triển mới cho nền kinh tế đất nước; góp phần mở rộng thị trường, thúc đẩy các hoạt động dịch vụ, tạo cầu nối cho các doanh nghiệp trong nước xuất khẩu tại chỗ hoặc tiếp cận với thị trường thế giới; góp phần hình thành, tiến đến chuyển giao phương pháp quản lý và phương thức kinh doanh hiện đại ở trong nước. Đây cũng là một nhân tố thúc đẩy doanh nghiệp trong nước đổi mới công nghệ, nâng cao chất lượng và sức cạnh tranh; lao động trong nước có thêm cơ hội được đào tạo, bồi dưỡng nâng cao tay nghề, tiếp thu công nghệ tiên tiến, rèn luyện tác phong công nghiệp. Để hội nhập thế giới thành công, Nhà nước cần hoàn thiện hơn nữa luật pháp, đặc biệt pháp luật về đầu tư, từ đó tạo môi trường đầu tư thông thoáng, tăng sức thu hút bà con Việt kiều về nước làm ăn.❐

**Tài liệu tham khảo**


Bộ Chính trị (2004), *Nghị quyết số 36/NQ-TW về công tác đối với người Việt Nam ở nước ngoài,* ban hành ngày 26 tháng 3 năm 2004.

Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tư pháp, Bộ Ngoại giao và Bộ Công an (2000), *Thông tư liên tịch số 10/2000/TTLT/BKH-BTP-BNG-BCA Hướng dẫn việc người Việt Nam định cư ở nước ngoài, ngườinước ngoài thường trú tại Việt Nam đầu tư theo Nghị định số51/1999/NĐ-CP ngày 08 tháng 7 năm 1999 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật khuyến khích đầu tư trong nước (sửa đổi) số 03/1998/QH10,* ban hành ngày 15 tháng 8 năm 2000.

Chính phủ (1999)*, Nghị định số 51/1999/NĐ-CP ngày 08/7/1999 Quy định chi tiết thi hành Luật Khuyến khích đầu tư trong nước,* Hà Nội.

Chính phủ (2015)*, Nghị định số 82/2015/NĐ-CP ngày 24/9/2015 Quy định về việc miễn thị thực cho người Việt Nam định cư ở nước ngoài và người nước ngoài là vợ, chồng, con của người Việt Nam định cư ở nước ngoài hoặc của công dân Việt Nam,* Hà Nội.

Quốc hội Khóa VIII (1987), *Luật Đầu tư nước ngoài tại Việt Nam số 4-HĐNN8 ngày 29/12/1987,* Hà Nội.

Quốc hội Khóa VIII (1990), *Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật đầu tư nước ngoài ngày 30/6/1990,* Hà Nội.

Quốc hội Khóa IX (1992), *Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật đầu tư nước ngoài ngày 23/12/1992,* Hà Nội.

Quốc hội Khóa IX (1994), *Luật Khuyến khích đầu tư trong nước ngày 22/6/1994,* Hà Nội.

Quốc hội Khóa X (1998), *Luật Khuyến khích đầu tư trong nước (sửa đổi) số 03/1998/QH10 ngày 20/05/1998,* Hà Nội.

Quốc hội Khóa XI (2003), *Luật Đất đai số 13/2003/QH11 ngày 26/11/2003,* Hà Nội.

Quốc hội Khóa XI (2005a), *Luật Đầu tư số 59/2005/QH11 ngày 29/11/2005,* Hà Nội.

Quốc hội Khóa XI (2005b), *Luật Doanh nghiệp số 60/2005/QH11 ngày 29/11/2005,* Hà Nội.

Quốc hội Khóa XII (2008a), *Luật Quốc tịch Việt Nam số 24/2008/QH12 ngày 13/11/2008,* Hà Nội.

Quốc hội Khóa XII (2008b), *Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp số 14/2008/QH12 ngày 03/6/2008,* Hà Nội.

Quốc hội Khóa XII (2009), *Luật số 34/2009/QH12 ngày 18/6/2009 sửa đổi, bổ sung Điều 126 Luật Nhà ở và Điều 121 Luật Đất đai,* Hà Nội.

Quốc hội Khóa XIII (2013), *Luật số 32/2013/QH13 ngày 19/6/2013 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thuế thu nhập doanh nghiệp*, Hà Nội.

Quốc hội Khóa XIII (2014a), *Luật Nhà ở số 65/2014/QH11 ngày 25/11/2014,* Hà Nội.

Quốc hội Khóa XIII (2014b), *Luật Đầu tư số 67/2014/QH11 ngày 26/11/2014,* Hà Nội.

Quốc hội Khóa XIII (2014c), *Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH11 ngày 26/11/2014,* Hà Nội.

Quốc hội Khóa XIII (2014d), *Luật sửa đổi, bổ sung một số của các luật về thuế số 71/2014/QH13,* Hà Nội. *ngày 26/11/2014*

Thủ tướng Chính phủ (2007), *Quyết định số 135/2007/QĐ-TTg ngày 17/8/2007 ban hành quy chế miễn thị thực cho người Việt Nam định cư ở nước ngoài,* Hà Nội.

Thủ tướng Chính phủ (2008), *Chỉ thị số 19/2008/CT-TTg ngày 06/6/2008 về việc tiếp tục tăng cường triển khai thực hiện Chương trình hành động của Chính phủ về công tác với người Việt Nam ở nước ngoài,* Hà Nội.

Thủ tướng Chính phủ (2012), *Quyết định số 10/2012/QĐ-TTg sửa đổi, bổ sung một số điều Quy chế về miễn thị thực cho người Việt Nam định cư ở nước ngoài ban hành kèm theo Quyết định số 135/2007/QĐ-TTg ngày 17 tháng 8 năm 2007 của Thủ tướng Chính phủ*, ban hành ngày 10 tháng 02 năm 2012.

Viện Nghiên cứu quản lý kinh tế Trung ương [CIEM] (2005), *Báo cáo tình hình đầu tư của người Việt Nam ở nước ngoài,* Hà Nội.

Viện Nghiên cứu quản lý kinh tế Trung ương [CIEM] (2010), *Báo cáo tình hình đầu tư của người Việt Nam ở nước ngoài,* Hà Nội.

Ủy ban Nhà nước về người Việt Nam ở nước ngoài (2012), *Báo cáo tại Hội nghị người Việt Nam ở nước ngoài lần thứ hai với chủ đề "Tầm nhìn đến năm 2020 - Cộng đồng người Việt Nam ở nước ngoài hội nhập và phát triển cùng đất nước" ngày 27/9/2012*, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ủy ban Nhà nước về người Việt Nam ở nước ngoài (2015), *Số liệu thống kê về tình hình đầu tư của người Việt Nam ở nước ngoài tại Việt Nam*, Hà Nội.

**Thông tin tác giả:**

***Võ Tá Tri,** Tiến sỹ*

*- Tổ chức tác giả công tác: Khoa Lý luận chính trị, Trường Đại học Thương mại*

*- Lĩnh vực nghiên cứu chính: Quản lý kinh tế*

*- Địa chỉ Email: Tatridhtm@gmail.com*

*** **Trần Anh Phương**, Tiến sỹ*

*- Tổ chức tác giả công tác: Vụ Pháp chế, Bộ Kế hoạch và Đầu tư*

*- Lĩnh vực nghiên cứu: Kinh tế Đầu tư – Quản lý kinh tế*

*- Một số tạp chí đã đăng tải công trình nghiên cứu: Tạp chí Tài chính, Tạp chí Kinh tế và dự báo …*

*- Địa chỉ Email: taphuongvn@gmail.com*

*** **Nguyễn Đình Tài**, Phó giáo sư, tiến sỹ*

*- Tổ chức tác giả công tác: Viện Nghiên cứu Phát triển Kinh tế Xã hội và Quản lý Doanh nghiệp*

*- Lĩnh vực nghiên cứu: Kinh tế đầu tư, Doanh nghiệp, đầu tư trực tiếp nước ngoài, Thị trường chứng khoán …*

*- Một số tạp chí đã đăng tải công trình nghiên cứu: Kinh tế và Phát triển, Kinh tế và dự báo, Tạp chí Quản lý Kinh tế …*

**** **Nguyễn Thị Mai Phương**, Tiến sỹ*

*- Tổ chức tác giả công tác: Báo Điện tử Đảng cộng sản Việt nam*

*- Lĩnh vực nghiên cứu: Kinh tế phát triển, đầu tư trực tiếp nước ngoài, Tập đoàn kinh tế …*

*- Một số tạp chí đã đăng tải công trình nghiên cứu: Kinh tế châu Á -Thái Bình Dương, Tạp chí Tài chính, Tạp chí Cộng sản,…*

*- Địa chỉ Email: phuongnmcpv@gmail.com*

***** **Trần Duy Đông**, Thạc sỹ*

*- Tổ chức tác giả công tác: Vụ trưởng Vụ Quản lý Khu Kinh tế, Bộ Kế hoạch và Đầu tư*

*- Lĩnh vực nghiên cứu: Kinh tế Đầu tư – Quản lý kinh tế*

*- Một số tạp chí đã đăng tải công trình nghiên cứu: Tạp chí Tài chính, Tạp chí Kinh tế và dự báo …*